



TRẮC NGHIỆM DLNN 50 câu - Dẫn luận ngôn ngữ

Ngoại Ngữ (Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội)

TRẮC NGHIỆM DLNN

1. NN là gì?

- A. NN là một hệ thống các đơn vị (âm vị, hình vị, từ, câu)
- B. Những quy tắc kết hợp để tạo thành lời nói trong giao tiếp.
- C. Được cộng đồng sử dụng, quy ước và phản ánh trong ý thức của họ.
- D. A, B, C

2. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Ngôn ngữ là một thuộc tính tinh thần.
- B. Ngôn ngữ là một thuộc tính vật chất.
- C. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt.
- D. Ngôn ngữ không thuộc về một kiến trúc thượng tầng nào.

[
]

3. Ngôn ngữ có mấy bản chất? Đó là những bản chất nào?

- A. 2 bản chất, đó là bản chất tín hiệu & bản chất ký hiệu.
- B. 2 bản chất, đó là bản chất tín hiệu & bản chất xã hội.
- C. 3 bản chất, đó là bản chất tín hiệu, ký hiệu & giao tiếp.
- D. 3 bản chất, đó là bản chất tín hiệu, giao tiếp & làm công cụ của tư duy.

[
]

4. Người ta nói NN thống nhất nhưng không đồng nhất với tư duy bởi:

- A. Nếu không có NN thì không có tư duy và ngược lại
- B. NN là hệ thống, tư duy là tín hiệu
- C. NN là vật chất, tư duy là tinh thần.

D. NN là phương tiện của tư duy.

[
]

5. Bản chất xã hội của NN là gì?

- A. Thể hiện ý thức xã hội
- B. Là phương tiện giao tiếp quan trọng trong xã hội.
- C. Sự tồn tại & phát triển của NN gắn liền với sự tồn tại & phát triển của xã hội.
- D. A,B & C

[
]

6. Chức năng chủ yếu của NN là gì?

- A. Là công cụ của tư duy
- B. Là phương tiện giao tiếp của con người.
- C. Là tín hiệu của xã hội
- D. Giúp cho xã hội phát triển

[
]

7. “Ngôn ngữ là công cụ của tư duy” thể hiện ở chỗ nào?

- A. Muốn giao tiếp, trước khi nói & viết phải suy nghĩ.
- B. Suy nghĩ theo cách chung & cách riêng của từng cộng đồng văn hóa.
- C. A, B
- D. Ngôn ngữ không tham gia vào quá trình hình thành tư duy.

[
]

8. Đây là nguồn gốc cho sự ra đời của NN?

- A. Do con người sáng tạo ra
- B. Do tự nhiên
- C. Do thượng đế
- D. B và C

[
]

9. “Tính vô đoán dẫn đến hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa”, phát biểu này đúng hay sai?

- A. Sai
- B. Đúng
- C. Nửa đúng nửa sai
- D. Không rõ

[
]

10. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Ngôn ngữ không mang tính giai cấp trong xã hội có giai cấp.
- B. Ngôn ngữ mang tính giai cấp trong xã hội có giai cấp.
- C. Ngôn ngữ có được nhờ quá trình học hỏi, giáo dục.
- D. Không có đáp án đúng.

[
]

11. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. NN không phải là hệ thống tín hiệu.
- B. NN không phải hiện tượng tự nhiên.
- C. NN không phải bản năng sinh vật của con người.
- D. NN không phải là một hiện tượng cá nhân.

[
]

12. Câu “Hành vi nói ra của người nói là hành vi sản sinh văn bản, hành vi hiểu văn bản là hành vi tiếp nhận từ phía người nghe” dùng để chỉ điều gì?

- A. Hoạt động nói năng
- B. Lời nói & cộng đồng
- C. Tín hiệu giao tiếp
- D. NN có tính vật chất

[
]

13. Câu nói “NN phục vụ cho hoạt động của con người, NN chỉ sinh ra do nhu cầu giao tiếp của con người và phát triển trong xã hội loài người” dùng để chỉ điều gì?

- A. NN là một hiện tượng cá nhân
- B. NN là một hiện tượng xã hội
- C. NN là một hệ thống tín hiệu
- D. NN mang tính dân tộc

[
]

14. Không có NN thì không có tư duy và không có tư duy thì NN chỉ là một tổ hợp âm vô nghĩa” là nói đến điều gì?

- A. NN là công cụ hình thành tư duy
- B. NN thuộc về tư duy
- C. Sự thống nhất giữa NN và tư duy.
- D. Sự khác biệt giữa NN và tư duy

[
]

15. “Một sự vật tác động vào giác quan của con người làm cho ta hiểu được & suy diễn đến một nội dung nào đó nằm ngoài sự vật đó” là khái niệm của:

- A. Xã hội
- B. Dấu hiệu
- C. Ngôn ngữ
- D. Tín hiệu

[

16. Một thực thể được coi là tín hiệu phải thỏa mãn điều kiện gì?

- A. Phải có 2 mặt: âm thanh (hình thức) & ý nghĩa (nội dung)
- B. Phải có 2 mặt: ý nghĩa và hình ảnh
- C. Phải có 2 mặt: âm thanh và tiếng nói
- D. Phải có 2 mặt: ý nghĩa và giác quan

17. Đây là sự khu biệt giữa từ “bàn” và “màn” ?

- A. Âm / an/ và thanh điệu
- B. Âm / b/ và âm / m/
- C. Không có sự khu biệt
- D. Âm / b/ và thanh điệu

18. Câu “Làm sao cắt nghĩa được tình yêu” có mấy âm vị?

- A. 22 âm vị
- B. 25 âm vị
- C. 7 âm vị
- D. 6 âm vị

19. Câu “Em bảo anh đi đi!” có mấy âm vị?

- A. 5 âm vị

B. 4 âm vị

C. 12 âm vị

D. 11 âm vị

20. Câu “Người đầu gặp gỡ làm chi” có mấy hình vị?

A. 17 hình vị

B. 19 hình vị

C. 6 hình vị

D. 5 hình vị

21. “Em bảo anh đừng đợi

Sao anh vội về ngay”

Có mấy hình vị?

A. 26 hình vị

B. 10 hình vị

C. 9 hình vị

D. Không có đáp án nào đúng.

22. Các yếu tố trong NN được sắp đặt theo một quy luật nhất định (chúng không kết hợp một cách tùy tiện với nhau) là để chỉ:

A. NN là tín hiệu

B. NN có sự sắp đặt

C. NN là một hệ thống

D. NN là cấu trúc

23. “Là tổng thể các mối quan hệ và liên hệ giữa các yếu tố của thể thống nhất đó”
là nói đến khái niệm:

A. Hệ thống

B. Cấu trúc (kết cấu)

C. Ngôn ngữ

D. Tín hiệu

24. Khi nói “Tổng thể những mối quan hệ trong hệ thống, là phương thức tổ chức hệ thống” là nói đến:
- A. Ngôn ngữ
 - B. Cấu trúc
 - C. Hệ thống
 - D. Tín hiệu
25. “Dựa trên cấu trúc cơ bản của NN để phân loại chúng, sắp xếp chúng vào một loại hình nhất định” là phương pháp phân loại gì?
- A. Phương pháp tổng hợp
 - B. Phương pháp tổng kết
 - C. Phương pháp so sánh lịch sử
 - D. Phương pháp so sánh loại hình
26. NN đơn lập có đặc điểm gì?
- A. Cấu tạo rất nhiều bằng phụ âm
 - B. Từ không biến đổi hình thái
 - C. Quan hệ ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp được biểu thị bằng hư từ và trật tự từ
 - D. B và C
27. Tại sao lại gọi là ngôn ngữ đơn lập?
- A. Vì các âm tiết tách rời nhau trong lời nói và chữ viết.
 - B. Quan hệ hình thái giữa các từ tự do, rời rạc trong câu.
 - C. Có thanh điệu
 - D. A, B, C
28. Quan hệ ngữ pháp, ý nghĩa ngữ pháp được biểu thị bằng hư từ, trật tự từ và ngữ điệu là đặc điểm của loại hình NN nào?
- A. Hòa kết
 - B. Đơn lập

- C. Chắp dính
- D. Đa tổng hợp

29. Tiếng Việt và tiếng Hán thuộc loại hình NN nào?

- A. Đơn lập
- B. Hòa kết
- C. Chắp dính
- D. Đa tổng hợp

30. “Một ý nghĩa ngữ pháp có thể được biểu thị bằng nhiều phụ tố” là đặc trưng của loại hình NN nào?

- A. NN đơn lập
- B. NN hòa kết
- C. NN chắp dính
- D. NN đa tổng hợp

31. NN nào dưới đây thuộc loại hình NN hòa kết?

- A. Tiếng Việt
- B. Tiếng Trung
- C. Tiếng Anh
- D. Tiếng Nhật

32. Cách gọi khác của NN biến hình là gì?

- A. NN đơn lập
- B. NN chắp dính
- C. NN hòa kết
- D. NN đa tổng hợp

33. Trong câu “Tôi đọc sách” , nếu thay thế “Tôi đọc sách” bằng “Tôi đọc báo/ tôi đọc tạp chí / tôi đọc tiểu thuyết” thì người nói đã sử dụng kiểu quan hệ gì trong ngôn ngữ?

- A. Quan hệ liên tưởng (đọc)

B. Quan hệ tuyến tính (ngang)

C. Quan hệ cấp bậc

D. Không theo quan hệ nào.

34. Trong câu “Tôi ăn cơm” , nếu thay thế “Tôi ăn cơm” bằng “Tôi ăn phở/ tôi uống nước / chị ấy uống cà phê” thì người nói đã sử dụng kiểu quan hệ gì trong ngôn ngữ?

A. Quan hệ cấp bậc

B. Quan hệ liên tưởng (dọc)

C. Quan hệ tuyến tính (ngang)

D. Không có đáp án đúng

35. Trong câu “Tôi có cái điện thoại”, nếu bổ sung thêm các từ như: Tôi có cái điện thoại mới/ Tôi có cái điện thoại mới màu bạc,... thì người nói đã sử dụng kiểu quan hệ gì trong ngôn ngữ?

A. Quan hệ liên tưởng (dọc)

B. Quan hệ cấp bậc

C. Quan hệ tuyến tính (ngang)

D. Không có quan hệ nào đúng

36. Trong câu “Hôm nay tôi ở nhà” nếu bổ sung thêm các từ như: Hôm nay tôi ở nhà xem ti vi/ Hôm nay tôi ở nhà xem ti vi với bạn,... thì người nói đã sử dụng kiểu quan hệ gì trong ngôn ngữ?

A. Không có đáp án đúng

B. Quan hệ cấp bậc

C. Quan hệ liên tưởng (dọc)

D. Quan hệ tuyến tính (ngang)

37. NN gồm những đơn vị nào?

A. Từ

B. Câu

C. Hình vị và âm vị

D. A, B và C

38. Bộ máy phát âm gồm những bộ phận nào?

A. Các bộ phận ở khoang miệng, khoang mũi

B. Các bộ phận ở khoang bụng

C. Các bộ phận ở khoang yết hầu & phổi

D. A, C

39. Bộ phận nào là nguồn chính tạo ra luồng hơi?

A. Phổi

B. Khoang miệng

C. Mũi

D. Bụng

40. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Luồng hơi đi từ phổi lên, qua bộ máy phát âm được uốn nắn thành những hình dạng khác nhau rồi thoát ra ngoài bằng đường miệng hoặc mũi.

B. Luồng hơi được thoát ra ngoài bằng đường miệng hoặc mũi.

C. Luồng hơi được lấy từ ngoài, hít vào bằng đường mũi rồi lại được tổng ra qua đường mũi.

D. Luồng hơi được uốn nắn thành những hình dạng, kích thước ứng với việc phát ra từng âm khác nhau.

41. Thế nào là âm tố?

A. Âm tố là đơn vị phát âm lớn nhất.

B. Âm tố là đơn vị âm thanh nhỏ nhất của lời nói, có thể tách ra về mặt cấu âm – thính giác và thường ứng với một âm vị.

C. Âm tố là đơn vị ngữ nghĩa nhỏ nhất, không thể tách ra về mặt cấu âm – thính giác.

D. Âm tố là âm tiết của lời nói.

42. Âm tố được xác định dựa trên những bình diện nào?
- A. Phát âm và ngữ nghĩa
 - B. Cấu âm và thính giác
 - C. Cấu tạo và ngữ nghĩa
 - D. Cấu tạo và phát âm
43. Có mấy loại âm tố? Là những loại nào?
- A. 2 loại, nguyên âm và phụ âm
 - B. 1 loại, âm vị
 - C. 1 loại, âm tiết
 - D. 2 loại, âm vị và âm tiết
44. Nguyên âm là gì?
- A. Nguyên âm là những âm thoát ra có tiếng động
 - B. Nguyên âm là những âm thoát ra có tiếng xát
 - C. Nguyên âm là những âm được tạo thành khi luồng hơi đi từ phổi lên qua khoang miệng & thoát ra ngoài một cách tự do.
 - D. Nguyên âm là những âm được tạo thành khi luồng hơi từ phổi đi lên, qua bộ máy phát âm bị cản trở hoàn toàn hoặc cản trở một phần tạo nên tiếng động như tiếng nổ hoặc tiếng xát.
45. $[i, u, e, w]$ là những nguyên âm cao hay thấp?
- A. Cao
 - B. Thấp
 - C. Nửa cao nửa thấp
 - D. Không có đáp án nào đúng
46. Khi phát âm các nguyên âm $[u, w, ô, ơ, a]$ vị trí lưỡi nhích về trước hay sau?
- A. Lưỡi nhích về trước
 - B. Lưỡi giữ nguyên
 - C. Lưỡi hạ thấp

D. Lưỡi nhích về sau

47. Người ta nhận diện nguyên âm dựa vào những tiêu chí gì?

A. Lưỡi cao hay thấp hoặc miệng mở hay khép

B. Lưỡi trước hay sau

C. Môi tròn hay dẹt

D. A, B, C

48. Dựa vào tiêu chí nào để có thể biết nguyên âm tròn hay dẹt?

A. Dựa vào vị trí của lưỡi

B. Dựa vào hình dáng của môi

C. Dựa vào độ nâng của lưỡi

D. Không có đáp án nào đúng.

49. [a] và [ɔ] trong các từ như “bát” “com” được gọi là những nguyên âm gì?

A. Nguyên âm ngắn

B. Nguyên âm cao

C. Nguyên âm dài

D. Nguyên âm khép

50. [ǣ] và [â] trong các từ như “bắt” “câm” được gọi là những nguyên âm gì?

A. Nguyên âm khép

B. Nguyên âm ngắn

C. Nguyên âm dài

D. Nguyên âm cao

51. 3 vạch đứng trong hình thang nguyên âm quốc tế biểu thị cho điều gì?

A. 3 nguyên âm cao

B. 3 hàng nguyên âm: *trước*, *giữa*, *sau*

C. 3 hàng nguyên âm: cao, giữa, thấp

D. A và C

52. 4 vạch ngang từ trên xuống dưới trong hình thang nguyên âm quốc tế biểu thị cho điều gì?
- A. Biểu thị nguyên âm tròn môi, không tròn môi
 - B. Biểu thị nguyên âm dài, nguyên âm ngắn
 - C. Biểu thị nguyên âm trước, giữa, sau
 - D. Biểu thị nguyên âm từ cao đến thấp
53. Phụ âm là gì?
- A. Phụ âm là những âm được tạo thành khi luồng hơi đi từ phổi lên qua khoang miệng & thoát ra ngoài một cách tự do.
 - B. Phụ âm là những âm được tạo thành khi luồng hơi đi ngược trở lại và có tiếng thanh.
 - C. Phụ âm là những âm được tạo thành khi luồng hơi từ phổi đi lên, qua bộ máy phát âm bị cản trở hoàn toàn hoặc cản trở một phần tạo nên tiếng động như tiếng nổ hoặc tiếng xát.
 - D. Không có khái niệm nào đúng.
54. Người ta nhận diện phụ âm dựa vào những đặc trưng gì?
- A. Dựa vào vị trí cấu âm, phương thức cấu âm & tính thanh
 - B. Dựa vào cách phát âm
 - C. Dựa vào vị trí của lưỡi
 - D. B & C
55. /k, b, m, t, d/ được gọi là những phụ âm gì trong tiếng Việt?
- A. Phụ âm môi
 - B. Phụ âm lưỡi
 - C. Phụ âm rung
 - D. Phụ âm tắc
56. Âm /r/ trong các từ *rực rỡ*, *rõ ràng*, *rộn rã* của tiếng Việt được gọi là phụ âm gì?

- A. Phụ âm môi
- B. Phụ âm lưỡi
- C. Phụ âm rung
- D. Phụ âm tắc

57. /b/, /m/, /p/ trong các từ “ba, mà, hạp” là những phụ âm gì?

- A. Âm lợi
- B. Âm môi
- C. Âm răng
- D. Âm quặt lưỡi

58. /s/, /tr/ trong các từ “sẽ, sau, trên” là những phụ âm gì?

- A. Âm răng
- B. Âm môi
- C. Âm lợi
- D. Âm quặt lưỡi

59. Những âm nào sau đây là phụ âm mũi?

- A. /t/, /m/, /h/
- B. /m/, /n/, /ng/, /nh/
- C. /p/, /t/, /k/
- D. /h/, /l/, /s/

60. Về cơ bản, nguyên âm & phụ âm khác nhau ở điểm gì?

- A. Nguyên âm dễ phát âm, phụ âm khó phát âm.
- B. Nguyên âm là tiếng thanh, phụ âm là tiếng động.
- C. Nguyên âm là tiếng ồn, phụ âm là tiếng thanh.
- D. Nguyên âm có luồng hơi mạnh, phụ âm có luồng hơi yếu.

61. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Khi phát âm nguyên âm, dây thanh rung nhiều.
- B. Khi phát âm phụ âm, dây thanh rung ít hoặc không rung.

- C. Khi phát âm nguyên âm, luồng hơi từ phổi thoát ra một cách tự do.
- D. Khi phát âm phụ âm, luồng hơi từ phổi thoát ra một cách tự do.

62. Cấu trúc âm tiết gồm mấy phần?

- A. Gồm 3 phần: Âm đầu, vần, thanh điệu
- B. Gồm 3 phần: Âm đầu, âm chính, âm cuối
- C. Gồm 2 phần: Âm chính và thanh điệu
- D. Gồm 2 phần: Âm đầu và thanh điệu

63. Âm tiết có thể phân thành mấy loại?

- A. Có 4 loại âm tiết: cao, thấp, dài, ngắn
- B. Có 2 loại âm tiết: rộng, hẹp
- C. Có 4 loại: mở, nửa mở, khép, nửa khép
- D. A và B

64. “Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.”

Hai câu thơ trên có bao nhiêu vần? Bao nhiêu âm tiết?

- A. Có 10 vần, 10 âm tiết
- B. Có 14 vần, 14 âm tiết
- C. Có 39 vần, 39 âm tiết
- D. Có 39 vần, 14 âm tiết

65. “Em bảo anh đi đi!

Sao anh không đứng lại?”

2 câu thơ trên có bao nhiêu âm tiết?

- A. 8 âm tiết
- B. 9 âm tiết
- C. 10 âm tiết
- D. 25 âm tiết

66. “Hoa cười ngọc thốt đoan trang” thì /o/ trong “hoa” thuộc bộ phận cấu tạo nào của âm tiết?
- A. Âm đầu
 - B. Âm chính
 - C. Âm cuối
 - D. Âm đệm
67. “Hoa cười ngọc thốt đoan trang” thì /o/ trong “ngọc” thuộc bộ phận cấu tạo nào của âm tiết?
- A. Âm đầu
 - B. Âm đệm
 - C. Âm chính
 - D. Âm cuối
68. Âm tiết “người” bị khuyết bộ phận nào nếu xét về mặt cấu tạo âm tiết?
- A. Âm đầu
 - B. Âm đệm
 - C. Âm chính
 - D. Âm cuối
69. Hai âm tiết “hoa hòe” bị khuyết bộ phận nào nếu xét về mặt cấu tạo âm tiết?
- A. Âm cuối
 - B. Âm chính
 - C. Âm đệm
 - D. Âm đầu
70. Âm tiết “ao” bị khuyết bộ phận nào nếu xét về mặt cấu tạo âm tiết?
- A. Âm cuối & âm chính
 - B. Âm chính & âm đệm
 - C. Âm đầu & âm đệm
 - D. Âm đầu & âm cuối

71. Các thanh điệu: “ngang, sắc, ngã” trong tiếng Việt là những thanh điệu có âm vực cao hay thấp?
- A. Cao
 - B. Thấp
 - C. Không cao không thấp
 - D. Vừa cao vừa thấp
72. Thanh “huyền” trong tiếng Việt là thanh điệu có đường nét bằng hay trắc?
- A. Trắc
 - B. Bằng
 - C. Nửa bằng nửa trắc
 - D. Không bằng không trắc
73. Trọng âm đóng vai trò gì trong tiếng Việt và các ngôn ngữ có thanh điệu?
- A. Có vài trò rất quan trọng.
 - B. Có vai trò khá quan trọng.
 - C. Không có vai trò gì.
 - D. Bị mờ nhạt do có thanh điệu.
74. Âm vị có những loại biến thể nào?
- A. Biến thể tự do & biến thể bắt buộc
 - B. Biến thể địa phương
 - C. Biến thể vùng miền
 - D. Biến thể ngữ cảnh
75. Phát biểu nào sau đây là sai?
- A. Âm vị là một đơn vị trừu tượng.
 - B. Âm tố là một đơn vị cụ thể
 - C. Âm vị là một đơn vị cụ thể.
 - D. Âm vị chỉ bó hẹp trong một ngôn ngữ nhất định.
76. Đâu là điểm khác biệt cơ bản giữa âm vị và âm tố?

- A. Âm vị là âm thanh, âm tố là ngôn ngữ
- B. Âm vị là một đơn vị trừu tượng, âm tố là một đơn vị cụ thể
- C. Âm vị chỉ bó hẹp trong một ngôn ngữ, âm tố là chung cho nhiều ngôn ngữ
- D. B và C

77. Chữ viết là gì?

- A. Chữ viết là hình dạng của nguyên âm và hình khối.
- B. Chữ viết là hình dạng của phụ âm và hình khối
- C. A và B
- D. Chữ viết là những tập hợp, những hệ thống ký hiệu bằng hình nét, có thể nhìn thấy được, dùng để ghi lại mặt nào đó (âm, ý) của những đơn vị, yếu tố ngôn ngữ.

78. Có mấy loại hình chữ viết?

- A. Có 2 loại hình chữ viết: chữ ghi ý, chữ ghi hình
- B. Có 2 loại hình chữ viết: chữ ghi ý, chữ ghi âm
- C. Có 3 loại hình chữ viết: chữ ghi thanh, chữ ghi lời, chữ ghi nét
- D. Có 1 loại hình chữ viết: chữ ghi từ

79. Chữ Hán là chữ gì?

- A. Là chữ viết biểu ý (ghi ý)
- B. Là chữ ghi âm
- C. Là chữ ghi thanh
- D. B & C

80. Chữ Quốc ngữ là chữ gì?

- A. Là chữ ghi thanh điệu
- B. Là chữ ghi ý
- C. Là bộ chữ dùng các ký tự Latin, dựa trên nhóm chữ cái của nhóm ngôn ngữ Roman, đặc biệt là bảng chữ cái Bồ Đào Nha với các dấu phụ từ bảng chữ cái Hy Lạp.

D. Là bộ chữ dùng các ký hiệu đường nét với các dấu phụ từ ngôn ngữ Ấn Âu.

81. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Từ là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa của ngôn ngữ, có khả năng hoạt động độc lập.
- B. Từ có thể tái hiện tự do trong lời nói để tạo nên câu.
- C. Từ là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa của ngôn ngữ.
- D. Từ là đơn vị lớn nhất của ngôn ngữ.

82. Đối tượng nghiên cứu của từ vựng học là:

- A. Ngữ âm
- B. Từ vựng
- C. Ngữ pháp
- D. Ngữ dụng

83. Từ được cấu tạo bởi đơn vị nào?

- A. Âm vị
- B. Hình vị
- C. Ngữ
- D. Không có đáp án nào đúng.

84. Có mấy phương thức cấu tạo từ? Đó là những phương thức nào?

- A. Có 2 phương thức, đó là phương thức ghép và phương thức láy
- B. Có 2 phương thức, đó là phương thức láy và phương thức phụ gia
- C. Có 3 phương thức, đó là: phương thức phụ gia, ghép và láy
- D. Có 3 phương thức, đó là biến đổi, ghép và lặp

85. Phương thức phụ gia là phương thức:

- A. Nối kết phụ tố vào thành tố gốc để tạo ra từ mới.
- B. Kết hợp các hình vị có cùng tính chất.
- C. Lặp lại toàn bộ từ.

D. B và C

86. Phương thức ghép là phương thức:

- A. Nối kết phụ tố vào thành tố gốc để tạo ra từ mới.
- B. Kết hợp các hình vị có cùng tính chất theo một trật tự nhất định.
- C. Lặp lại toàn bộ từ.
- D. A và C

87. Phương thức láy là phương thức:

- A. Nối kết phụ tố vào thành tố gốc để tạo ra từ mới.
- B. Kết hợp các hình vị có cùng tính chất theo một trật tự nhất định.
- C. A và B
- D. Lặp lại toàn bộ hay một bộ phận từ gốc.

88. Các từ mới được tạo ra bởi phương thức phụ gia gọi là:

- A. Từ phái sinh
- B. Từ phát sinh
- C. Từ sinh sôi
- D. Từ biến đổi

89. Các từ mới được tạo ra bởi phương thức ghép gọi là:

- A. Từ phái sinh
- B. Từ phát sinh
- C. Từ ghép
- D. Từ láy

90. Các từ mới được tạo ra bởi phương thức láy gọi là:

- A. Từ ghép
- B. Từ láy
- C. Từ phái sinh
- D. Không có đáp án đúng

91. Các từ như: “ăn nói, nhà cửa, làng xóm” là những từ được tạo thành bởi phương thức nào?
- A. Láy
 - B. Phụ gia
 - C. Tiền tố
 - D. Ghép
92. Các từ như: “trắng trắng, đỏ đỏ, đen đen, so – so” là những từ được tạo thành bởi phương thức:
- A. Phụ gia
 - B. Tiền tố
 - C. Ghép
 - D. Láy
93. Các từ “bạn hữu, xinh đẹp, vợ chồng” là:
- A. Từ ghép chính phụ
 - B. Từ ghép đẳng lập
 - C. Từ ngẫu hợp
 - D. Không có đáp án nào đúng
94. Các từ “xe máy, xe đạp, hoa hồng” là:
- A. Từ ngẫu hợp
 - B. Từ láy
 - C. Từ ghép chính phụ
 - D. Từ đơn
95. Nghĩa của từ gồm có những thành phần nghĩa nào?
- A. Nghĩa trừu tượng, nghĩa phái sinh
 - B. Nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm & nghĩa biểu thái
 - C. Nghĩa tự do và nghĩa bắt buộc
 - D. A & C

96. “Đừng có mà chí phèo quá nhé!” thì “chí phèo” là
- A. Ẩn dụ
 - B. So sánh
 - C. Miêu tả
 - D. B & C
97. “Nuôi ong tay áo”, “nước đổ đầu vịt” thuộc thành ngữ:
- A. So sánh
 - B. Miêu tả
 - C. Miêu tả ẩn dụ
 - D. Không có đáp án đúng
98. “Nhẹ như lông hồng”, “đắt như tôm tươi” thuộc thành ngữ:
- A. Miêu tả ẩn dụ
 - B. Miêu tả
 - C. So sánh
 - D. Không có đáp án đúng
99. “Con ngựa đá con ngựa đá”, 2 từ “đá” trong câu này thuộc nhóm từ nào?
- A. Từ đồng nghĩa
 - B. Từ trái nghĩa
 - C. Từ gần nghĩa
 - D. Từ đồng âm
100. Từ nào khác loại trong nhóm từ sau: *Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, nước nhà, non sông, nước non, non nước.*
- A. Nước non
 - B. Tổ tiên
 - C. Non nước
 - D. Non sông
101. Không dùng từ “chết” mà nói “khuất núi”, “nằm xuống”, “tù trần” là cách:

- A. Dừng từ cổ
 - B. Dừng từ lỏng
 - C. Dừng từ địa phương
 - D. Dừng từ trang nhã, lịch sự
102. Các dạng thức của từ gồm:
- A. Từ đơn
 - B. Từ ghép
 - C. Từ phái sinh
 - D. A, B & C
103. Danh từ, động từ, tính từ thuộc nhóm thực từ hay hư từ?
- A. Thực từ
 - B. Hư từ
 - C. A & B
 - D. Không có đáp án nào đúng
104. Phát biểu nào sau đây là sai?
- A. Thực từ là những từ có ý nghĩa từ vựng
 - B. Hư từ là những từ chỉ có ý nghĩa ngữ pháp.
 - C. Thực từ chỉ có thể hoạt động bên cạnh các hư từ.
 - D. Hư từ chỉ có thể hoạt động bên cạnh các thực từ.
105. Phát biểu nào sau đây là sai?
- A. Từ loại là những lớp từ không cùng bản chất ngữ pháp.
 - B. Từ loại là những lớp từ có cùng bản chất ngữ pháp.
 - C. Từ loại được phân chia theo ý nghĩa, theo khả năng kết hợp với các từ ngữ khác trong ngữ lưu.
 - D. Không có đáp án đúng.
106. Nếu muốn xác định toàn bộ vốn từ loại, chúng ta phải xét khả năng kết hợp của từ ở bậc nào?

- A. Ở bậc âm vị
 - B. Ở bậc từ
 - C. Ở bậc câu
 - D. Ở đoạn văn
107. Chúng ta có thể dùng cách nào để xét khả năng kết hợp của từ?
- A. Dùng từ chứng
 - B. Dùng cụm từ chính – phụ
 - C. A & B
 - D. Không có đáp án đúng
108. Những từ đứng sau *đang, vẫn, hãy, đừng* thuộc lớp từ nào?
- A. Động từ
 - B. Danh từ
 - C. Quan hệ từ
 - D. Trợ từ
109. Chức năng thường trực của danh từ là chức năng gì?
- A. Làm thành tố phụ
 - B. Làm vị ngữ
 - C. Làm chủ ngữ và bổ ngữ
 - D. Làm danh từ
110. “Nên, cần, phải, có thể, không thể” thuộc nhóm động từ nào?
- A. Động từ chỉ hoạt động
 - B. Động từ tình thái
 - C. Động từ bất động
 - D. Không phải động từ
111. Các trợ từ tình thái thường đứng vị trí nào trong câu?
- A. Đầu câu
 - B. Cuối câu

C. Cả đầu câu lẫn cuối câu

D. Giữa câu.

112. Đa số phó từ (phụ từ) thường đứng trước lớp từ nào?

A. Danh từ

B. Động từ

C. Tính từ

D. A, B, C

113. “Thế mà giữa trời nắng chang chang, mẹ vẫn lội xuống cấy lúa. Mỗi hạt gạo làm ra chứa đựng biết bao nhiêu giọt mồ hôi và nỗi vất vả của mẹ.” Đoạn văn này có bao nhiêu quan hệ từ?

A. Có 4 quan hệ từ

B. Có 3 quan hệ từ

C. Có 2 quan hệ từ

D. Có 1 quan hệ từ

114. Người ta nói “trợ từ tình thái có khả năng dạng thức hóa một từ, một ngữ thành phát ngôn”, điều này đúng hay sai?

A. Sai

B. Đúng

C. Đúng một nửa

D. Không có đáp án đúng

115.